TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-02-2026
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hồ Nữ Kiều Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đô
2. Bà Trần Thị Thanh Nga

- Thư ký phiên toà: bà Lê Thị Quỳnh Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 141/2025/TLST- HNGĐ ngày 22/10/2025 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/02/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Mùi H**, sinh năm 1976

HKTT: Tổ Dân phố T, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (Nay là phường T, tỉnh Thanh Hóa).

2. Bị đơn: ông **Cao Văn T**, sinh năm 1978

HKTT: Tổ Dân phố T, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (Nay là phường T, tỉnh Thanh Hóa).

Nơi ở hiện Ny: Hẻm 22, đường D, khu phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Nay là Khu phố 2 - T, phường P, tỉnh Lâm Đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mùi H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mùi H và ông Cao Văn T tự nguyện

tìm hiểu, quen biết nhau, sống chung với nhau đến năm 2019 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 326, ngày 11/10/2019.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông T thường xuyên rượu chè, cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi vả, ông T thường hay bạo hành đánh đập bà. Vì ham mê cờ bạc, ông T đã gây ra nhiều nợ nần, bà phải bán hết tài sản để chi trả. Đến năm 2021 thì ông T về nhà cha mẹ ruột của ông tại Khu phố B, phường T (Nay là Khu phố 2 - T, phường P, tỉnh Lâm Đồng) sinh sống, ông bà ly thân đã 05 năm, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm hay thăm hỏi gì đến ai. Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cao Văn T để giải thoát cho nhau và bà an tâm lo cho con, công việc làm ăn.

- Về con chung: quá trình chung sống, bà H và ông T có 02 (hai) người con chung tên là Cao Tuấn K (Nam), sinh ngày 13/10/2004 và Cao Linh N (nữ), sinh ngày 28/10/2014. Cả hai con chung hiện nay đang ở với bà H. Nguyện vọng sau khi ly hôn, bà H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Linh N, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Cao Tuấn K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Cao Văn T hiện đang cư trú tại Hẻm 22, đường D, khu phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Nay là Khu phố 2 - T, phường P, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đến nay ông T không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký viên thực hiện đều đảm bảo theo quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: cho bà Nguyễn Thị Mùi H được ly hôn với ông Cao Văn T; giao cháu Cao Linh N (nữ), sinh ngày 28/10/2014 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định

của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mùi H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Cao Văn T, đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn ông Cao Văn T cư trú tại phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng) nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Mùi H là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Cao Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Mùi H và ông Cao Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 326, ngày 11/10/2019 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, do đó quan hệ hôn nhân của bà H, ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo trình bày của bà H thì vợ chồng ông bà nảy sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, từ năm 2021 ông T về nhà cha mẹ ruột tại Khu phố B, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Nay là Khu phố 2 - T, phường P, tỉnh Lâm Đồng) sinh sống làm nghề biển cho đến nay, ông bà đã sống ly thân gần 05 năm nay, vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm hay thăm hỏi gì đến nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay tình trạng hôn nhân giữa ông bà không thể hàn gắn hòa giải được nữa.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài một thời gian, Tòa án cũng tạo điều kiện để hòa giải nhưng không hàn gắn được chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hiện cuộc sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả bà H, ông T đều đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án làm việc và hòa giải, có thể thấy ông T không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Đến nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Về con chung: quá trình chung sống, bà H và ông T có 02 (hai) người con chung tên là Cao Tuấn K (Nam), sinh ngày 13/10/2004 và Cao Linh N (nữ), sinh ngày 28/10/2014. Cả 02 con chung hiện nay đang sống với bà H. Nguyện vọng sau khi ly hôn, bà H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Cao Linh N, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung Cao Tuấn K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, bà H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu N, phù hợp với ý kiến của cháu N nguyện vọng được ở với mẹ, do vậy Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N sau ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà H không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa

đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Các Điều 19, 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mùi H đối với ông Cao Văn T về việc "*Ly hôn, nuôi con chung*"

- *Về quan hệ hôn nhân*: bà Nguyễn Thị Mùi H được ly hôn với ông Cao Văn T.

- *Về con chung*: bà H, ông T có 02 (hai) người con chung tên là Cao Tuấn K (Nam), sinh ngày 13/10/2004 và Cao Linh N (nữ), sinh ngày 28/10/2014. Sau ly hôn, giao cháu Cao Linh N cho bà Nguyễn Thị Mùi H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; bà H không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Riêng cháu Cao Tuấn K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại các Điều 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Mùi H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006060 ngày 21/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - Lâm Đồng. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 10 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 10 - Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, VP.

TAND KHU VỰC 10

4NW120226.TL.QDBA
513

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Nữ Kiều Mỹ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đô **Trần Thị Thanh Nga** **Hồ Nữ Kiều Mỹ**